

PHỤ LỤC A: BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06./2017/QĐ-UBND ngày 07./3./2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

I. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ GIA NGHĨA

1. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	NỘI DUNG				Giá đất 2015 - 2019	Giá đất điều chỉnh
	Tên đường	Đoạn đường		Đến		
		Từ				
I.1	Xã Quảng Thành				-	
1	Quốc lộ 14	Ranh giới huyện Đắk Song		Hết cây xăng dầu Quang Phước	430	540
				Hết cây xăng dầu Quang Phước	700	Giữ nguyên
				Đầu đường đôi (đường Nguyễn Tất Thành)	1.000	Giữ nguyên
2	Đường liên thôn	Giáp phường Nghĩa Phú (khu nhà ở CA tính)		Ngã 3 Trảng Tiển	200	270
		Giáp phường Nghĩa Phú (Mô đá)		Ngã 3 Trảng Tiển	200	270
		Quốc lộ 14		Thủy điện Việt Nguyên (Đắk Nông 1)	200	270
		Đường vào khu hành chính xã (UBND xã giáp quốc lộ 14)			230	360
		Đường vành đai Quảng Thành (giáp phường Nghĩa Phú)		Giáp Đắk R'moan	250	290
3	Đường nội thôn	Giáp phường Nghĩa Thành		Cầu lò gạch	200	280
		Thủy điện Việt Nguyên (Đắk Nông 1)		Cuối đường bê tông	150	210
		Thôn Nghĩa Tín		Thôn Nghĩa Hòa	150	210
		Đất ở khu dân cư còn lại thôn Nghĩa Tín, Nghĩa Hòa, Tân Tiến, Tân Lập, Tân Thịnh (đường thông 2 đầu)			150	210
		Đất ở khu dân cư còn lại thôn Nghĩa Tín, Nghĩa Hòa, Tân Tiến, Tân Lập, Tân Thịnh (đường cụt)			110	170
4	Các tuyến đường bê tông nông thôn				220	260
5	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa					
		Tà luy dương				500
		Tà luy âm				450
I.2	Xã Đắk Nia					
1	Quốc lộ 28	Giáp ranh phường Nghĩa Trung (cầu Lò Gạch) -200 m		Giáp ranh phường Nghĩa Trung (cầu Lò Gạch)	500	650
		Giáp ranh phường Nghĩa Trung (cầu Lò Gạch)		Ngã 3 đường vào thôn Đồng Tiến	500	650
		Ngã 3 đường vào thôn Đồng Tiến		Ngã 3 đường vào trường Phan Bội Châu	500	650
		Ngã 3 đường vào trường Phan Bội Châu		Ngã 3 đường vào trụ sở UBND xã	500	650
		Ngã 3 đường vào trụ sở UBND xã		Ngã 3 đường vào thôn Đắk Tân (thôn 9)	500	650
		Ngã 3 đường vào thôn Đắk Tân (thôn 9)		Cầu Đắk Đô (giáp ranh xã Quảng Khê) - 200 m	300	400
		Cầu Đắk Đô (giáp ranh xã Quảng Khê) - 200 m		Cầu Đắk Đô (giáp ranh xã Quảng Khê)	300	400
		Bon Kol Pru Dăng		Cổng chào nghĩa trang		200
2	Các tuyến đường nhựa liên thôn					
2.1		Đường vào thôn Đồng Tiến				
a		Ngã 3 đường vào thôn Đồng Tiến (Đầu nối với QL 28)		Ngã 3 đường vào Nghĩa Thắng	200	270
		Ngã 3 đường vào Nghĩa Thắng		Hết đường (Ngã 3 cầu gậy)	200	260
2.2		Đường vào thôn Nghĩa Thuận (Giáp QL 28)		Giáp địa phận phường Nghĩa Đức	200	260
2.3		Đường vào bon Fai col pru Dăng (Đầu nối với QL 28)		Cổng chào nghĩa trang thị xã	200	300
2.4		Đường vào bon Bu sop, Njriêng		Đầu nối với QL 28	200	270
2.5		Đường từ điện tử Lượng		ra thôn Nghĩa Thuận	200	260
2.6		Đường trước cửa UBND hướng ra trường Họa Mí		Đến điện tử Lượng	200	260
2.7		Đường vào thôn Đắk Tân		giáp ranh xã Đắk Ha	200	260
2.8		Đường từ ngã 3 thôn Đắk Tân		Bon Srê Ú (Đầu nối với QL 28)	200	260
2.9		Đường vào thôn Phú Xuân		Hết đường nhựa	200	260
2.10		Đường vào bon Srê Ú		Hết đường nhựa	200	260
2.11		Đường thôn Nghĩa Hòa (Đầu nối với QL 28)		Hết đường bê tông	200	260
3	Các tuyến đường nhựa, bê tông liên thôn còn lại				280	Giữ nguyên
4	Đất ở tại các tuyến đường đất và các khu vực dân cư còn lại				150	Giữ nguyên
5	Khu tái định cư Làng Quân nhân				780	
		Tà luy dương				780
		Tà luy âm				750
I.3	Xã Đắk R'moan					
1	Đường liên phường Nghĩa Phú - Đắk R'moan				250	330
2	Đất ở ven các đường nhựa liên thôn, liên xã				220	300

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	NỘI DUNG				
	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2015 - 2019	Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến		
3	Đất ở ven các đường đất thông 2 đầu			150	200
4	Đất ở ven các đường đất còn lại (đường cụt)			100	150
5	Khu tái định cư Thủy điện Đắk R'tih			390	Giữ nguyên
6	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa				
		Tả Luy dương			400
		Tả Luy âm			380

2. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	NỘI DUNG				
	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2015 - 2019	Giá đất điều chỉnh theo Quyết định
		Từ	Đến		
II	Thị xã Gia Nghĩa				
II.1.	Phường Nghĩa Tân				
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường vào Bộ đội biên phòng	Cây xăng Nam Tây Nguyên	1.700	2.300
		Cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã 3 rẽ vào Công ty Văn Tứ	1.700	2.400
		Ngã 3 rẽ vào Công ty Văn Tứ	Hết đường đôi (cầu Đắc Tih 2)	1.400	1.900
2	Quốc lộ 14	Hết đường đôi (cầu Đắc Tih 2)	Hết địa phận Thị xã Gia Nghĩa	1.000	1.500
3	Đường 23/3	Đường Nguyễn Tất Thành (đường vào Bộ đội biên phòng)	Đường Hai Bà Trưng (ngã 4 Hồ Thiên Nga)	1.700	2.300
		Hai Bà Trưng (ngã 4 Hồ Thiên Nga)	Cầu Đắc Nông	3.100	4.000
4	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường 23/3 (cầu Đắc Nông)	Đường 23/3 (quán lẩu bò Thắng)	850	2.000
5	Đường Quang Trung	Đường 23/3	UBND phường Nghĩa Tân	1.560	2.200
		UBND phường Nghĩa Tân	Qua ngã 3 giao với đường 3/2 +100m	1.200	1.800
		Đường 3/2	Đường Đinh Tiên Hoàng	1.150	1.600
6	Đường Lê Duẩn (Đăm Bri cũ)	Đường Nguyễn Tất Thành (Ngã ba Sùng Đức)	Ngã tư Lê Duẩn (Văn phòng - Nhà điều hành dự án Thủy điện Đắc Tih)	1.200	1.400
		Ngã tư Lê Duẩn (Văn phòng - Nhà điều hành dự án Thủy điện Đắc Tih)	Ngã 3 Nông trường chè	660	730
		Ngã 3 Nông trường chè	Hết đường	420	500
7	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	Đường Quang Trung (trụ sở UBND phường Nghĩa Tân)	1.000	1.500
8	Đường 3/2 (đường vào Trung tâm hành chính Thị xã Gia Nghĩa)	Đường Quang Trung	Hết đường 3/2	1.000	1.500
9	Đường Phan Kế Bính	Đường Lê Duẩn	Hết Đường Phan Kế Bính	1.000	1.500
10	Đường Tô Hiến Thành	Đường Trần Hưng Đạo	Hết Đường Tô Hiến Thành	1.000	1.500
11	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Quang Trung	Đường Tô Hiến Thành	750	1.000
		Đường Tô Hiến Thành	Đường Lê Duẩn	1.000	1.500
12	Đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba Trần Hưng Đạo - Nguyễn Trung Trực	Ngã tư Trần Hưng Đạo - Nguyễn Trung Trực - đường 41	800	1.040
13	Đường Cao Bá Quát	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Hưng Đạo	800	1.040
14	Đường Võ Văn Tần	Hết đường		800	1.040
15	Đường vào Tổ dân phố 4, phường Nghĩa Tân (đường số 90)	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết đường nhựa	650	845
16	Đường nhựa (Lê Thánh Tông cũ)	Giáp ranh giới phường Nghĩa Trung	Thủy điện Đắc Nông (hết đường nhựa)	400	600
		Giáp ranh giới phường Nghĩa Trung (gần ngã 3 thủy điện)	Cầu gậy (giáp ranh xã Đắc Nĩa)	400	450
17	Khu Tái định cư Sùng Đức, Phường Nghĩa Tân	Nội các Tuyến đường nhựa		700	

STT	NỘI DUNG				Giá đất 2015 - 2019	Giá đất điều chỉnh theo Quyết định
	Tên đường	Đoạn đường		Tà luy dương		
		Từ	Đến			
				Tà luy dương		700
				Tà luy âm		650
18	Khu Tái định cư Biên Phòng, Phường Nghĩa Tân	Nội các Tuyến đường nhựa			300	420
19	Khu Tái định cư Công An, Phường Nghĩa Tân	Nội các Tuyến đường nhựa			700	910
20	Khu Tái định cư Ngân Hàng, Phường Nghĩa Tân	Nội các Tuyến đường nhựa			650	845
21	Đường Tôn Đức Thắng (Bắc Nam giai đoạn 2)	Đường 23/3		Suối Đắc Nông (cũ)	1.950	3.100
22	Đất ở các khu dân cư còn lại					
22.1	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông					
	Tổ dân phố 1, 2				390	530
	Các tổ dân phố còn lại của phường				390	520
22.2	Đất ở ven các đường đất thông 2 đầu					
	Tổ dân phố 1, 2				250	390
	Các tổ dân phố còn lại của phường				250	340
22.3	Đất ở ven các đường đất cụt					
	Tổ dân phố 1, 2				200	260
	Các tổ dân phố còn lại của phường				200	270
23	Quốc lộ 14 cũ	Ngã 3 rẽ vào Công ty Văn Tứ		Đường Nguyễn Tất Thành	1.200	Giữ nguyên
24	Đường nội bộ khu tái định cư Công an tỉnh (tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành thuộc Tổ dân phố 4)	Đường Nguyễn Tất Thành		Hết các đường nội bộ	1.530	Giữ nguyên
25	Đường Tổ dân phố 2	Đường Quang Trung		Đường Trần Hưng Đạo	250	1.500
26	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa	Giáp ranh phường Nghĩa Phú		Giáp ranh phường Nghĩa Trung		
				Tà luy dương		500
				Tà luy âm		450
II. 2.	Phường Nghĩa Phú					
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh xã Quảng Thành		Khách sạn Hồng Liên	1.000	1.200
		Khách sạn Hồng Liên		Đường Hai Bà Trưng	1.200	1.500
		Đường Hai Bà Trưng		Đường vào Bộ đội biên phòng	1.400	1.800
		Đường vào Bộ đội biên phòng		Cây xăng Nam Tây Nguyên	1.700	2.300
		Cây xăng Nam Tây Nguyên		Ngã 3 rẽ vào Công ty Văn Tứ	1.700	2.400
		Ngã 3 rẽ vào Công ty Văn Tứ		Hết đường đôi (cầu Đắc Tit 2)	1.400	Giữ nguyên
2	Quốc lộ 14	Hết đường đôi (cầu Đắc Tit 2)		Hết ranh giới Thị xã Gia Nghĩa	1.000	1.500
3	Đường Lê Hồng Phong (Đường vào mỏ đá 739 cũ)	Đường vòng cầu vượt		Hết Công an phường Nghĩa Phú	840	900

STT	NỘI DUNG				
	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2015 - 2019	Giá đất điều chỉnh theo Quyết định
		Từ	Đến		
		Hết Công an phường Nghĩa Phú	Hết đường	600	Giữ nguyên
4	Đường vòng cầu vượt	Cầu vượt	Đường Nguyễn Tất Thành	770	1.100
5	Đường An Dương Vương (Đường đi xã Đắc R'Moan)	Tiếp giáp QL14	Ngã ba đường mới đi vào xã Đắc R'Moan	250	500
		Ngã ba đường mới đi vào xã Đắc R'Moan	Giáp ranh giới xã Đắc R'moan	250	500
6	Đường An Dương Vương cũ (đoạn đường cụt)	Ngã ba đường An Dương Vương đi vào xã Đắc R'Moan	Bờ kè thủy điện Đắc R'Tiêh	250	380
7	Đường vành đai Tổ dân phố 1	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa	Giáp ranh giới xã Quảng Thành	800	Giữ nguyên
8	Đường Tổ dân phố 2	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết Công an Tỉnh	500	770
		Hết Công an Tỉnh	Giáp ranh giới xã Quảng Thành	250	360
9	Đường Tổ dân phố 3	Công an tỉnh	Doanh trại cơ quan quân sự thị xã	350	530
10	Đường Tổ dân phố 4	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết hội trường tổ dân phố 4	390	570
		Hết hội trường tổ dân phố 4	Đập nước (hết đường nhựa)	350	520
	Đường Quốc lộ 14 (cũ) đoạn đi qua Công ty Văn Tư	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành rẽ vào Công ty Văn Tư	Hết đường giáp ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành	1.200	Giữ nguyên
11	Đường Tổ dân phố 7	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh xã Đắc R'Moan	450	620
12	Đường đi vào khu biên phòng và nội khu tái định cư			560	830
13	Đất ở các khu dân cư còn lại				
13.1	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông				
	Tổ dân phố 5			390	520
	Các tổ dân phố còn lại của phường			390	520
13.2	Đất ở ven các đường đất còn lại thông hai đầu				
	Tổ dân phố 5			250	380
	Các tổ dân phố còn lại của phường			250	325
13.3	Đất ở ven các đường đất còn lại (đường cụt)				
	Tổ dân phố 5			200	310
	Các tổ dân phố còn lại của phường			200	290
14	Đường nội bộ khu tái định cư Ban chỉ huy Quân sự thị xã Gia Nghĩa			450	Giữ nguyên
15	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa				
		Tà luy dương			600
		Tà luy âm			550
II. 3.	Phường Nghĩa Đức				
1	Đường 23/3	Cầu Đắc Nông	Hết Sở Kế hoạch - Đầu tư	2.800	3.700
			Hết Sở Kế hoạch - Đầu tư	Trần Phú (Tỉnh lộ 684 cũ)	2.500
2	Đường Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Đường 23/3	Đường Hùng Vương	2.000	2.300

STT	NỘI DUNG				Giá đất 2015 - 2019	Giá đất điều chỉnh theo Quyết định
	Tên đường	Đoạn đường				
		Từ	Đến			
		Đường Hùng Vương	Đường Hàm Nghi		2.300	
3	Đường N'Trang Long (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường 23/3	Ngã 3 Nguyễn Trãi (nhà công vụ)	1.900	2.800	
		Ngã 3 Nguyễn Trãi (nhà công vụ)	Cầu bà Thống	1.700	2.500	
		Cầu bà Thống	Tượng đài N'Trang Long	1.400	2.100	
		Tượng đài N'Trang Long	Hết đường	1.200	1.800	
4	Đường Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường N'Trang Long (Ngã 3 nhà công vụ)	Đường 23/3 (chân cầu Đăk Nông cũ)	1.200	2.000	
		Ngã 4, Tổ dân phố 1 (Tổ 1, Khối 5 cũ)	Đường 23/3 (chân cầu Đăk Nông mới)	1.900	3.000	
5	Đường sau nhà Công vụ	Ngã 3 đường đi Cầu Bà Thống	Hết đường nhựa	500	870	
		Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ - Ngã 4 Tổ 1, Khối 5)	Chân bờ kè hồ	550	1.500	
		Hết đường nhựa	Đoạn đường đất còn lại	450	1.000	
6	Đường bên hông nhà Công vụ	Đường Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường sau nhà Công vụ	450	1.500	
7	Đường vào trường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường 23/3 (Gần đường Nguyễn Văn Trỗi)	Công trường Nguyễn Thị Minh Khai	750	1.500	
8	Đường vào các tổ an ninh, tổ dân phố	Cầu Bà Thống	Đường Lương Thế Vinh (Rẽ phải đến giáp ranh khu TĐC đối Đăk Nut)	520	1.500	
		Cầu Bà Thống	Rẽ trái đến đường Nơ Trang Long	600	1.200	
9	Trần Phú (Tỉnh lộ 684 cũ)	Km 0 (Đường 23/3)	Km 1	1.200	1.560	
		Km 1	Km 2	1.000	1.170	
		Km 2	Km 4	900	Giữ nguyên	
10	Đường QL 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Km 4 (tiếp giáp với đường Trần Phú)	Km 6 (giáp ranh xã Đăk Ha)	600	Giữ nguyên	
11	Đường Lý Thái Tổ (đường D1 cũ)	Đường 23/3	Hết đường nhựa	1.700	2.210	
12	Đường Ama Jhao (đường D2 cũ) + Đường Cao Thắng	Đường 23/3	Hết đường vòng nối với đường 23/3 (gần Sở Nội vụ)	1.600	2.080	
13	Đường hẻm nối với đường Ama Jhao	Ngã 3 đường hẻm nối với đường Ama Jhao	tiết đất nhà ông Trần Văn Diêu	800	1.040	
14	Đường Nguyễn Khuyến	Đường N'Trang Long	Đường Lương Thế Vinh	1.500	2.200	
15	Đường Lương Thế Vinh	Đường N'Trang Long	Hết đường Lương Thế Vinh	1.300	1.900	
16	Đường Hàm Nghi	Đường Hùng Vương	Đường Tân Đà	1.200	1.560	
17	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Hàm Nghi (Trục D1)	Đường Y Jút (Trục N3)	1.200	1.560	
18	Đường Tân Đà	Đường Hàm Nghi	Đường Y Jút (Trục N3)	1.200	1.560	
19	Đường Trần Khánh Dư	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1.000	1.300	
20	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1.000	1.300	
21	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	900	1.300	

STT	NỘI DUNG				
	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2015 - 2019	Giá đất điều chỉnh theo Quyết định
		Từ	Đến		
22	Đường Y Jút	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Giáp đường dây 500KV (hết đường)	1.100	1.300
23	Đường Nguyễn Trường Tộ	Ngã 5 Hoàng Diệu - Nguyễn Thượng Hiền	Đường Hoàng Diệu	1.000	1.300
24	Đường Hoàng Diệu	Ngã 5 Nguyễn Thượng Hiền - Nguyễn Trường Tộ	Đường Y Jút (giáp đường dây 500KV)	1.000	1.300
25	Khu Tái định cư đồi Đăk Nur	Nội các tuyến đường nhựa		850	
			Tà luy dương		850
			Tà luy âm		800
26	Đất ở các khu dân cư còn lại				
26.1	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông				
	Tổ dân phố 1, 2			390	460
	Các tổ dân phố còn lại của phường			390	455
26.2	Đất ở ven các đường đất thông 2 đầu				
	Tổ dân phố 1, 2			250	350
	Các tổ dân phố còn lại của phường			250	330
26.3	Đất ở ven các đường đất còn lại (đường cụt)				
	Tổ dân phố 1, 2			200	300
	Các tổ dân phố còn lại của phường			200	300
27	Khu Tái định cư Công An	Nội tuyến đường nhựa		1.000	
			Tà luy dương		1.000
			Tà luy âm		900
	Khu Tái định cư Đăk Nia	Trục đường sau đồi đất sét (Nội tuyến đường nhựa)		1.000	
			Tà luy dương		1.000
			Tà luy âm		900
28	Khu Tái định cư B	Nội tuyến đường nhựa		850	
			Tà luy dương		850
			Tà luy âm		800
II. 4. Phường Nghĩa Thành					
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh xã Quảng Thành	Đường Phan Bội Châu	750	975
		Đường Phan Bội Châu	Đường Hai Bà Trưng	1.100	1.600
		Đường Hai Bà Trưng	Đường vào Bộ đội biên phòng	1.400	1.900
2	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Võ Thị Sáu (Thị đội)	1.500	1.950
		Đường Võ Thị Sáu (Thị đội)	Đường 23/3	1.800	2.340
3	Đường 23/3	Đường Nguyễn Tất Thành (đường vào bộ đội biên phòng)	Đường Hai Bà Trưng (Ngã 4 hồ thiên Nga)	1.700	2.500
		Hai Bà Trưng (Ngã 4 hồ thiên Nga)	Cầu Đăk Nông	3.100	4.500

STT	NỘI DUNG				
	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2015 - 2019	Giá đất điều chỉnh theo Quyết định
		Từ	Đến		
4	Đường Ngô Mây	Đường Lý Tự Trọng	Ngã 3 Vào thôn Nghĩa Bình	720	1.600
		Đường Tống Duy Tân	Ngã 3 Vào thôn Nghĩa Bình	1.000	1.500
5	Đường Tống Duy Tân	Đường Nguyễn Tất Thành (quốc lộ 14 cũ)	Đường Tôn Đức Thắng	1.500	2.100
6	Đường Nguyễn Tri Phương (Hùng Vương cũ)	Đường Chu Văn An	Đường 23/3	2.070	2.500
7	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trương Công Định cũ)	Đường 23/3 - Nguyễn Tri Phương	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	3.200	4.500
8	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Công trại giam công an huyện (cũ)	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	2.500	3.250
		Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Hết chợ thị xã	4.550	10.000
		Hết chợ thị xã	Vào 50m (đường đi vào chùa Pháp Hoa)	1.000	1.500
9	Đường đi sân Bay cũ	Ngã 3 chùa Pháp Hoa (Hùng Vương cũ)	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	1.000	1.500
10	Đường Lý Tự Trọng	Đường Chu Văn An	Đường Đào Duy Từ	750	1.500
11	Đường Bà Triệu	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Đường Tôn Đức Thắng	4.450	10.000
12	Đường Đào Duy Từ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Ngô Mây	500	720
13	Đường Chu Văn An	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Tri Phương	3.000	3.250
		Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Huỳnh Thúc Kháng	2.500	3.250
14	Đường Võ Thị Sáu	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	Đường Hai Bà Trưng (QL14 cũ)	880	1.500
15	Đường Quanh Chợ	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Đường Bà Triệu	4.550	7.500
16	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Hai Bà Trưng (QI 14 cũ)	810	1.200
17	Đường Mạc Thị Bưởi	Đường Hai Bà Trưng (QI 14 cũ)	Hết hồ Thiên Nga (Hồ Vịt cũ)	1.250	1.500
		Hết hồ Thiên Nga (Hồ Vịt cũ)	Hết Đường	1.050	1.300
18	Đường trước Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Đường Mạc Thị Bưởi	Hết Đường nhựa	800	1.200
19	Phan Bộ Châu (Đường Liên Thôn Nghĩa Tín cũ)	Ngã 3 Nguyễn Tất Thành (QL 14 cũ)	Hết Đường (1.310m)	450	620
20	Đường Vào Nghĩa Bình	ngã 3 Phan Bội Châu (ngã 3 Nghĩa Tín cũ)	Ngã 3 Nghĩa Bình	450	630
21	Đường Tôn Đức Thắng (Trục Bắc – Nam và một đoạn Hai Bà Trưng cũ)	Đường Phan Bội Châu	Đường đất (Nhà hàng Dốc Vồng)		
		Tà luy dương		1.400	1.800
		Tà luy âm		1.400	1.800
		Đường đất (Nhà hàng Dốc Vồng)	Ngã tư đường Ngô Mây	1.700	2.500
		Ngã tư đường Ngô Mây	Hết đường Bắc - Nam (đã xây dựng giai đoạn 1)	2.100	2.730
	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	Ngã ba Đường lên Sân Bay giao với đường Tôn Đức Thắng	Đường Võ Thị Sáu	2.100	2.900
		Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Viết Xuân (đường tổ dân phố 3)	2.100	3.500

STT	NỘI DUNG				Giá đất 2015 - 2019	Giá đất điều chỉnh theo Quyết định
	Tên đường	Đoạn đường				
		Từ	Đến			
	Bà Trưng cũ)	Đường Nguyễn Viết Xuân (đường tổ dân phố 3)	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	2.100	3.500	
		Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Đường 23/3	2.500	4.500	
22	Đường nhựa	Đường Chu Văn An	Đường Lý Tự Trọng	750	1.100	
23	Đường vành đai hồ phường Nghĩa Thành			490	720	
24	Đường nội thị	Giáp đường Tôn Đức Thắng	Trường THCS Trần Phú	390	560	
		Giáp đường Tôn Đức Thắng	Nhà ông Cư	390	570	
		Ngã 3 Ngõ Mây (nhà ông Luân)	Nhà ông Hào	350	510	
		Đường Ngõ Mây (Trạm y tế)	Đường Tống Duy Tân (nhà ông Luyến) đến đường chính	380	550	
		Chợ vào 50m (đường đi vào chùa Pháp Hoa)	Chùa Pháp Hoa	380	550	
		Nhà ông Dũng Tầm	Nhà Thủy Lân	350	540	
25	Đất ở các khu dân cư còn lại					
25.1	Đất ở ven các đường nhựa, bê tông					
	Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 10			390	560	
	Các tổ dân phố còn lại của phường			350	490	
25.2	Đất ở ven các đường đất còn lại thông hai đầu					
	Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 10			280	410	
	Các tổ dân phố còn lại của phường			270	400	
25.3	Đất ở ven các đường đất cắt					
	Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 10			250	380	
	Các tổ dân phố còn lại của phường			200	290	
26	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa					
		Tà luy dương			500	
		Tà luy âm			450	
II. 5. Phường Nghĩa Trung						
1	Đường 23/3	Cầu Đắc Nông	Ngân hàng đầu tư	2.800	3.900	
		Ngân hàng đầu tư	Trần Phú (Tỉnh lộ 684 cũ)	2.500	3.000	
2	Đường Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Đường 23/3	Đường Hùng Vương	1.800	2.340	
3	Đường Nguyễn Văn Trỗi (Lê Lợi cũ)	Đường 23/3	Đường Trần Hưng Đạo	750	1.200	
		Đường Trần Hưng Đạo	Lê Thánh Tông	1.200	1.560	
4	Đường Lê Lai	Đường 23/3 (Vào Tỉnh ủy)	Ngã 3 Tỉnh ủy (đường Trần Hưng Đạo)	1.500	2.200	
5	Đường Điện Biên Phủ	Đường Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Hết đường nhựa	800	1.040	

STT	NỘI DUNG				
	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2015 - 2019	Giá đất điều chỉnh theo Quyết định
		Từ	Đến		
		Hết đường nhựa	Cuối đường	600	Giữ nguyên
6	Đường Y Bih Alêô (N'Trang Long cũ)	Lê Thị Hồng Gấm (Đường 23/3 cũ)	Cổng Trường Nội trú N'Trang Long	800	1.040
		Cổng Trường Nội trú N'Trang Long	Lê Thánh Tông cũ (đường Tôn Đức Thắng)	300	600
7	Đường Lê Thánh Tông	Đường 23/3	Ngã 3 Đồi Thủy lợi cũ	1.600	2.200
		Ngã 3 Đồi Thủy lợi cũ	Đường Tôn Đức Thắng (Bắc - Nam giai đoạn 2)	1.400	1.820
8	Đường Phạm Văn Đồng (Lê Thánh Tông cũ)	Đường Tôn Đức Thắng (Bắc - Nam giai đoạn 2)	Nghĩa địa	750	975
		Nghĩa địa	Ngã 3 (đường vào Thủy điện Đăk Nông)	400	520
9	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 28 cũ)	Ngã 3 Trần Phú – Lê Thị Hồng Gấm (ngã 3 tính lộ 684 cũ)	Hết Bệnh viện	1.500	1.950
		Hết Bệnh viện	Cầu lò gạch (hết đường đôi)	1.000	1.400
10	Đường Điều Ong (đường trước Trung tâm Hội nghị tỉnh)	Đường 23/3	Đường Phan Đăng Lưu (Đường N1 cũ)	1.600	2.080
11	Đường Phan Đăng Lưu (Đường N1 cũ)	Ngã 3 Tinh úy (đoạn giao đường Nguyễn Văn Trỗi và đường Lê Lai)	Ngã 3 Đường 23/3 (Sở Thông tin và Truyền thông)	1.600	2.080
12	Đường Vũ Anh Ba (Đường N3 cũ)	Đường Phan Đăng Lưu (Đường N1 cũ)	Đường Điều Ong	1.400	1.820
13	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 23/3 (Sở Thông tin và Truyền thông)	Ngã ba Tinh úy	1.600	2.080
14	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Hùng Vương (QL 28 cũ)	Hết đường nhựa	700	1.100
15.1	Đường Tân Đà (trục N1 cũ)	Đường Hàm Nghi	Đường Trần Khánh Dư	1.200	1.560
15.2	Đường Nguyễn Hữu Thọ (Trục N2)	Đường Hàm Nghi (Trục D1)	Đường Y Jút (Trục N3)	1.200	1.560
15.3	Đường Y Jút (trục N3)	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Tôn Thất Tùng (Trục N7)	1.100	1.430
15.4	Đường Kim Đồng	Đường Hàm Nghi	Đường Tôn Thất Tùng	1.200	1.560
		Đường Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Phùng	1.000	1.300
15.5	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Kim Đồng	Đường Hoàng Diệu	1.000	1.300
15.6	Đường Trần Khánh Dư	Đường Tân Đà	Giao của đường Y Jút – Tôn Thất Tùng	1.000	1.300
15.7	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Y Jút	1.000	1.300
15.8	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	900	1.170
15.9	Đường Trần Nhật Duật	Đường Kim Đồng và Nguyễn Thượng Hiền	Đường Phan Đình Phùng	1.000	1.300
15.10	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Ngã 5 Y Jút và Tôn Thất Tùng	1.000	1.300
15.11	Đường Hàm Nghi	Đường Hùng Vương	Đường Tôn Thất Tùng	1.200	1.560
15.12	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Hoàng Diệu	Giao giữa Nguyễn Thượng Hiền và Hoàng Diệu	1.000	1.300
15.13	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Hàm Nghi	Đường Tôn Thất Tùng	1.200	1.560
		Đường Tôn Thất Tùng	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1.200	1.560
15.14	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Hùng Vương	Giao giữa Phan Đình Phùng và Trần Khánh Dư	1.200	1.560
15.15	Đường Phan Đình Phùng	Giao giữa Tôn Thất Tùng và Hoàng Diệu	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1.200	1.560
15.16	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	Đường Hùng Vương	Đường Phan Đình Phùng	1.200	1.560

STT	NỘI DUNG				Giá đất 2015 - 2019	Giá đất điều chỉnh theo Quyết định	
	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất 2015 - 2019			Giá đất điều chỉnh theo Quyết định
		Từ	Đến				
15.17	Đường Phan Đình Giót	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Y Nuê	1.000	1.300		
15.18	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1.000	1.300		
15.19	Đường Y Nuê	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1.000	1.300		
15.20	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Y Nuê	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1.000	1.300		
15.21	Đường Trục N21	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Phan Đình Phùng	1.000	1.300		
15.22	Đường Ngô Tất Tố	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1.000	1.300		
15.23	Đường nhựa giao nhau với đường Nguyễn Hữu Thọ (song song với đường Y Jút, nằm trong khu tái định cư Đắk Nia)			1.000	Giữ nguyên		
16	Đường đất (giáp bưu điện tỉnh và Công ty Gia Nghĩa)	Đường 23/3	Chân cầu Đắk Nông	650	870		
17	Đường Tôn Đức Thắng (Bắc Nam giai đoạn 2)	Suối Đắk Nông	Cuối đường	1.950	3.100		
18	Khu vực Tổ dân phố 1+3 Phường Nghĩa Trung	Trường Dân tộc Nội trú N'Trang Long (theo đường vào khách sạn Lost)	Đường Ybih AlêÔ	860	975		
19	Đường Nhựa (Lê Thánh Tông cũ)	Ngã 3 (đường vào Thủy điện Đắk Nông)	Giáp ranh giới phường Nghĩa Tân	400	540		
		Ngã 3 (đường vào Thủy điện Đắk Nông)	Cầu gậy (giáp ranh xã Đắk Nia)	400	540		
20	Đường vào khu tái định cư 23 ha	Đường Phan Đăng Lưu	Khu TĐC 23 ha (hết trường Chính trị tỉnh)	1.300	1.690		
21	Đất ở khu tái định cư 23 ha (giai đoạn 1)	Nội các Tuyến đường nhựa		1.100			
		Tà luy dương			1.430		
		Tà luy âm			1.250		
	Đất ở khu tái định cư 23 ha (giai đoạn 2)	Nội Tuyến đường nhựa (Trục số 5)			1.724		
		Nội các Tuyến đường nhựa					
		Tà luy dương			1.437		
		Tà luy âm			1.400		
22	Đất ở các khu dân cư còn lại						
22.1	Đất ở ven các đường nhựa còn lại						
	Tổ dân phố 2, 3			390	500		
	Các tổ dân phố còn lại của phường			390	500		
22.2	Đất ở ven các đường đất còn lại thông hai đầu						
	Tổ dân phố 2, 3			250	370		
	Các tổ dân phố còn lại của phường			250	330		
22.3	Đất ở ven các đường đất còn lại (đường cụt)						
	Tổ dân phố 2, 3			200	300		
	Các tổ dân phố còn lại của phường			200	300		
23	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa						
	Tà luy dương				500		
	Tà luy âm				450		
24	Đường nối bệnh viện Đa khoa tỉnh		Đoạn nối tiếp đường Võ Văn Kiệt (hết đường nhựa)	Đường Phan Văn Đồng			
	Tà luy dương				700		
	Tà luy âm				650		